

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17-3-2025

V/v ly hôn, Tranh chấp nuôi con chung”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Kim Đồng.
- Ông Phạm Văn Nhơn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long:** Bà Huỳnh Thị Trúc Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, về việc: “Ly hôn, Tranh chấp nuôi con chung, tài sản chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025, giữa:

**- Nguyên đơn:** Chị **Lê Trần Ngọc N**, sinh năm 2001. (có mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

**- Bị đơn:** Anh **Lê Vũ L**, sinh năm 1994. (có mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

**-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà **Võ Thị Đ**, sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 27/12/2024 nguyên đơn chị Lê Trần Ngọc N trình bày: Giữa chị và anh Lê Vũ L thành hôn vào năm 2023 trên cơ sở do quen biết, có tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh ngày 31/8/2023. Thời gian vợ chồng chung sống lúc đầu có hạnh phúc, nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn không hợp nhau, thường xuyên cự cãi và đã ly thân từ tháng 06 năm 2024 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Hưng P, sinh ngày 27/02/2024 hiện đang sống chung với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi con chung Lê Hưng P, yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.600.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng có các tài sản chung gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k; 01 tấm lắc đeo tay 05 chỉ vàng 24k; 01 sợi dây chuyền + 01 mặt dây bằng 06 chỉ vàng 24k; 03 chiếc nhẫn đeo tay 03 chỉ vàng 24k. Do chưa có chứng cứ chứng minh bà Võ Thị Đờ là mẹ chồng chị đang quản lý tài sản chung của vợ chồng nên chị rút lại yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung. Chị sẽ khởi kiện lại khi có đầy đủ chứng cứ.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Lê Vũ L trình bày: Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về thời gian thành hôn, đăng ký kết hôn, về con chung, nợ chung. Về quan hệ hôn nhân quá trình chung sống giữa anh và chị N có mâu thuẫn do không có tiếng nói chung nên vợ chồng không còn chung sống từ tháng 06 năm 2024 cho đến nay. Nay theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì anh đồng ý ly hôn, về con chung Lê Hưng P, sinh ngày 27/02/2024 hiện đang sống chung với chị N do con dưới 36 tháng tuổi nên tạm giao cho chị N nuôi, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi chung. Về tài sản chung chị N đã rút lại yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung nên anh đề cập đến và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Đ trình bày: Bà là mẹ ruột của anh Lê Vũ L. Về việc chị N cho rằng bà là người đang quản lý số vàng cưới bà không đồng ý, bà không có quản lý số vàng theo trình bày của nguyên đơn. Nguyên đơn rút đơn khởi kiện bà không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày trên.

Bị đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên lời trình bày trên.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Ôn phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244 BLTTDS, các Điều 9, 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật HNGĐ; Nghị quyết số

01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận cho chị Lê Trần Ngọc N được ly hôn với anh Lê Vũ L.

- **Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:** Giao con chung tên Lê Hưng P, sinh ngày 27/02/2024 cho chị Lê Trần Ngọc N nuôi dưỡng, anh Lê Vũ L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm ngàn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con chung từ ngày 17/3/2025.

- **Về tài sản chung:** Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Lê Trần Ngọc N về chia tài sản chung.

- **Về nợ chung:** không xem xét giải quyết.

- **Án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc chị Lê Trần Ngọc N nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 1.612.000 đ (Một triệu sáu trăm mười hai ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 00111835 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, còn lại 1.312.000đ (Một triệu ba trăm mười hai ngàn đồng) hoàn trả lại cho chị Lê Trần Ngọc N.

Anh Lê Vũ L có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Trần Ngọc N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Vũ L, có địa chỉ ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Lê Trần Ngọc N và anh Lê Vũ L kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 31/08/2023 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh, theo giấy

chứng nhân kết hôn số: 85, ngày 31/8/2023 và chị N, anh L kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị N cho rằng: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống lúc đầu hạnh phúc sau thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do cuộc sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ đó vợ chồng không còn tình cảm nhau và đã ly thân từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Từ khi mâu thuẫn đến nay vợ chồng không có hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu ly hôn với anh L. Tại phiên tòa anh L xác định vợ chồng cũng có mâu thuẫn do không hợp nhau nên đồng ý ly hôn với chị N. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của chị N và anh L đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên việc chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh L là có căn cứ chấp nhận phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy từ khi vợ chồng không còn sống chung thì con chung Lê Hưng P, sinh ngày 27/02/2024 do chị N trực tiếp nuôi cuộc sống cháu ổn định, con chung dưới 36 tháng tuổi và anh L đồng ý tạm giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi nên việc giao cháu Lê Hưng P cho chị N nuôi là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.600.000đồng. Anh L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con, hiện nay mức lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú huyện Trà Ôn là vùng IV mức lương 3.450.000đồng/tháng, tại phiên tòa anh L thừa nhận có đi làm có thu nhập mỗi tháng 5.500.000đồng/tháng, do vậy mức cấp dưỡng chị N yêu cầu là 1.600.000đồng/tháng là không cao và phù hợp với quy định nên chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung: 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k; 01 tấm lắc đeo tay 05 chỉ vàng 24k; 01 sợi dây chuyền + 01 mặt dây bằng 06 chỉ vàng 24k; 03 chiếc nhẫn đeo tay 03 chỉ vàng 24k. Nay chị N rút lại yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung nên Đình chỉ xét xử theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.5] Về nợ chung đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn và anh L nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định điểm

a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận  
*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Trần Ngọc N.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Lê Trần Ngọc N về chia tài sản chung.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Trần Ngọc N được ly hôn với anh Lê Vũ L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Hưng P, sinh ngày 27/02/2024 cho chị Lê Trần Ngọc N nuôi dưỡng, anh Lê Vũ L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.600.000đ (*Một triệu sáu trăm ngàn đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Trần Ngọc N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 1.612.000đ (*Một triệu sáu trăm mười hai ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 00111835 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, còn lại 1.312.000đ (*Một triệu ba trăm mười hai ngàn đồng*) hoàn trả lại cho chị Lê Trần Ngọc N.

Anh Lê Vũ L có nghĩa vụ nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
  - Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
  - Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn;
  - Ủy ban nhân dân xã L, huyện T
- Tỉnh Trà Vinh  
(Giấy kết hôn số: 85, ngày 31/8/2023);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thạch Thị Tuyền**